

The logo for CPA VIETNAM, featuring the letters 'CPA' in a stylized blue font followed by 'VIETNAM' in a standard blue font.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

A close-up photograph of blue and white flowers, likely orchids, with a soft focus background. The flowers are the primary visual element on the left side of the page.

**BẢN TIN PHÁP LUẬT
THÁNG 9 - 2018**

TRONG SỐ NÀY

HỎI ĐÁP VỀ CHÍNH SÁCH THUẾ

- **Hỏi đáp về chính sách thuế**
- **Các công văn liên quan đến chính sách thuế**

KIỆN THỨC PHÁP LUẬT

- **Hướng dẫn kê khai hóa đơn bỏ sót trên Tờ khai thuế GTGT**
- **Tặng quà cho khách hàng có phải lập hóa đơn kê khai tính nộp thuế GTGT và được tính vào chi phí được trừ hay không?**

VĂN BẢN QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC

- **Thông tư số 59/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 7 năm 2018 của Bộ Tài chính**
- **Nghị định 119/2018/ND-CP ngày 12 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ**



NỘI DUNG CHI TIẾT

HỎI ĐÁP VỀ CHÍNH SÁCH THUẾ

1. Hỏi đáp

Hỏi

Tôi xin hỏi, trong hồ sơ thầu, nếu thời gian thực hiện hợp đồng không đề cập đến ngày làm việc liên tục (chỉ ghi thời gian thực hiện hợp đồng là 300 ngày) thì thời gian này có tính cả các ngày nghỉ, ngày lễ hay không?

Trả lời

Về vấn đề này, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến như sau:

Khoản 7, Điều 35 Luật Đấu thầu quy định thời gian thực hiện hợp đồng là số ngày tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày các bên hoàn thành nghĩa vụ theo quy định trong hợp đồng, trừ thời gian thực hiện nghĩa vụ bảo hành (nếu có).

Theo hướng dẫn tại Mục 1.1 Chương VI Mẫu hồ sơ mời thầu xây lắp áp dụng phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ (Mẫu số 01) ban hành kèm theo Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT ngày 6/5/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, ngày là ngày dương lịch; tháng là các tháng dương lịch.

Đối với vấn đề của bà Hương, trường hợp hồ sơ mời thầu quy định thời gian thực hiện hợp đồng là 300 ngày thì được hiểu là bao gồm cả ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định nêu trên.

Hỏi

Kính thưa Bộ tài chính, xin cho tôi hỏi là: Theo Điểm 2.9, khoản 2, điều 4 TT 96/2015/TT-BTC có đoạn: “ Trường hợp doanh nghiệp có khoản tiền đi lại, tiền ở, phụ cấp cho người lao động đi công tác và thực hiện đúng theo quy chế tài chính hoặc quy chế nội bộ của doanh nghiệp thì được tính vào chi phí được trừ khoản chi khoản tiền đi lại, tiền ở, tiền phụ cấp. ” 1/ Vậy theo như trên thì có cần hóa đơn cho công tác phí được khoán để được tính vào chi phí được trừ hay không? 2/ Mức công tác phí theo TT 96/2015/TT-BTC có bị khống chế nữa không? 3/ Mức khoán công tác phí có tính vào thu nhập chịu thuế TNCN của người lao động hay không? Kính xin Bộ giải đáp giúp tôi. Xin chân thành cảm ơn!

Trả lời:

Căn cứ Điều 4 của Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính quy định khoản chi được tính trừ khi xác định thu nhập chịu Thuế thu nhập doanh nghiệp:

“...Chi phụ cấp cho người lao động đi công tác, chi phí đi lại và tiền thuê chỗ ở cho người lao động đi công tác nếu có đầy đủ hóa đơn, chứng từ được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế. Trường hợp doanh nghiệp có khoản tiền đi lại, tiền ở, phụ cấp cho người lao động đi công tác và thực hiện đúng theo quy chế tài chính hoặc quy chế nội bộ của doanh nghiệp thì được tính vào chi phí được trừ khoản chi khoản tiền đi lại, tiền ở, tiền phụ cấp.
...”

Căn cứ điểm 4.2, khoản 2 thuộc Điều 2 của Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính quy định mức khoán chi không tính vào thu nhập chịu thuế:

“đ.4) Phần khoán chi văn phòng phẩm, công tác phí, điện thoại, trang phục,... cao hơn mức quy định hiện hành của Nhà nước. Mức khoán chi không tính vào thu nhập chịu thuế đối với một số trường hợp như sau:

đ.4.1) Đối với cán bộ, công chức và người làm việc trong các cơ quan hành chính sự nghiệp, Đảng, đoàn thể, Hội, Hiệp hội: mức khoán chi áp dụng theo văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính.

đ.4.2) Đối với người lao động làm việc trong các tổ chức kinh doanh, các văn phòng đại diện: mức khoán chi áp dụng phù hợp với mức xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo các văn bản hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.”

1-Căn cứ các quy định nêu trên, trường hợp từ năm 2015 đơn vị có thực hiện khoán tiền đi lại, tiền ở, phụ cấp cho người lao động đi công tác và thực hiện đúng theo quy chế tài chính hoặc quy chế nội bộ của đơn vị thì được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN đối với khoản chi khoản tiền đi lại, tiền ở, tiền phụ cấp (không yêu cầu phải có hóa đơn).

2-Khoản chi khoán công tác phí theo Thông tư 96/2015/TT-BTC không bị khống chế mức chi khoán như Thông tư 78/2014/TT-BTC.

3-Khoản chi khoán công tác phí theo đối với người lao động làm việc trong các tổ chức kinh doanh theo Thông tư 96/2015/TT-BTC không tính vào thu nhập chịu Thuế thu nhập cá nhân./.

Hỏi

X là mặt hàng chịu thuế GTGT, thuế suất 10% Y là mặt hàng không chịu thuế GTGT Công ty hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Tháng 2-2018 công ty tôi mua 10 tấn nguyên liệu x về nhập kho để sản xuất sản phẩm y. Kế toán đã hạch toán nhập kho theo tổng giá thanh toán và không hạch toán thuế đầu vào. Đến tháng 7-2018 công ty đã xuất 5 tấn NL x để sản xuất sản phẩm y và trong tháng 7-2018 công ty xuất bán cho công ty B 2 tấn NL x, do mặt hàng x chịu thuế GTGT 10% nên Công ty phải viết hóa đơn bán ra với thuế suất 10%. Xin hỏi: Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ tương ứng với 3 tấn mà công ty xuất bán cho Công ty B phải hạch toán và kê khai thuế như thế nào cho đúng? Trên đây là một trường hợp cụ thể và chúng tôi thường xuyên phát sinh các nghiệp vụ tương tự như thế này. Rất mong được hướng dẫn để chúng tôi thực hiện đúng các quy định về thuế. Trân trọng cảm ơn!

Trả lời:

Về vấn đề độc giả đề nghị, Chi cục Thuế thành phố Thanh Hoá có ý kiến như sau:
Tại Khoản 1, Khoản 7, Điều 14 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật thuế giá trị gia tăng đã quy định nguyên tắc khấu trừ thuế GTGT đầu vào như sau:

“1. Thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT được khấu trừ toàn bộ, kể cả thuế GTGT đầu vào không được bồi thường của hàng hóa chịu thuế GTGT bị tổn thất

7. Thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế GTGT hướng dẫn tại Điều 4 Thông tư này không được khấu trừ....”

Tại Điểm a, Điểm b, Khoản 9, Điều 1 Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính sửa đổi Khoản 2, Điều 14 và bổ sung khoản 14a vào Điều 14 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật thuế giá trị gia tăng như sau:

a) Sửa đổi khoản 2 Điều 14 như sau:

Thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ (kể cả tài sản cố định) sử dụng đồng thời cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế và không chịu thuế GTGT thì chỉ được

khấu trừ số thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT. Cơ sở kinh doanh phải hạch toán riêng thuế GTGT đầu vào được khấu trừ và không được khấu trừ; trường hợp không hạch toán riêng được thì thuế đầu vào được khấu trừ tính theo tỷ lệ (%) giữa doanh thu chịu thuế GTGT, doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT so với tổng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ bán ra bao gồm cả doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế không hạch toán riêng được.

Cơ sở kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế và không chịu thuế GTGT hàng tháng/quý tạm phân bổ số thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ, tài sản cố định mua vào được khấu trừ trong tháng/quý, cuối năm cơ sở kinh doanh thực hiện tính phân bổ số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của năm để kê khai điều chỉnh thuế GTGT đầu vào đã tạm phân bổ khấu trừ theo tháng/quý.

b) Bổ sung khoản 14a vào Điều 14 như sau:

Số thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ, tài sản cố định phục vụ cho sản xuất: phân bón, máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, tàu đánh bắt xa bờ, thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản và thức ăn cho vật nuôi khác tiêu thụ trong nước không được kê khai, khấu trừ mà tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp...”

Căn cứ quy định nêu trên, theo phản ánh tại phiếu hỏi đáp số 170818-5 ngày 20/8/2018 của độc giả Lê Thanh Hà. Nếu Công ty khi mua nguyên liệu (X) xác định chỉ dùng để phục vụ sản xuất, kinh doanh hàng hóa không chịu thuế và Công ty đã không kê khai thuế GTGT đầu vào mà hạch toán phần thuế GTGT đầu vào đó vào giá nhập kho theo tổng giá thanh toán thì khi Công ty xuất một phần nguyên liệu trên để bán, Công ty không được khấu trừ bổ sung thuế GTGT đầu vào tương ứng với phần nguyên liệu đã xuất bán.

Trường hợp Công ty mua nguyên liệu (X) vừa dùng để bán, vừa dùng để sản xuất, kinh doanh hàng hóa không chịu thuế thì Công ty không được khấu trừ số thuế GTGT đầu vào của số nguyên liệu dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa không chịu thuế GTGT. Công ty phải hạch toán riêng thuế GTGT đầu vào được khấu trừ và không được khấu trừ của nguyên liệu dùng để bán và dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa không chịu thuế; trường hợp không hạch toán riêng được thì số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ được phân bổ và xác định theo quy định tại Điểm a, Khoản 9, Điều 1 Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính.

2. Các công văn trả lời về thuế

Công văn số 53063/CT-TTHT ngày 31 tháng 7 năm 2018 của Cục thuế Hà Nội về việc hướng dẫn thuế TNCN đối với cá nhân tham gia đề tài cấp Nhà nước có sử dụng nguồn kinh phí của Nhà nước.

Trả lời công văn số 2414/KHTN-KHTC ngày 09/07/2018 của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên hỏi về thuế TNCN đối với cá nhân tham gia đề tài cấp Nhà nước có sử dụng nguồn kinh phí của Nhà nước, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

Căn cứ điểm c Khoản 2 Điều 2 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn các khoản thu nhập được tính vào thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân:

Căn cứ công văn số 2428/TCT-TNCN ngày 19/6/2018 của Tổng cục Thuế về việc hướng dẫn thuế TNCN đối với cá nhân tham gia Đề án cấp quốc gia có sử dụng nguồn kinh phí Nhà nước.

Căn cứ các hướng dẫn trên, trường hợp Trường Đại học Khoa học Tự nhiên thực hiện các đề tài thuộc Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp Nhà nước giai đoạn 2013-2018 “Khoa học và Công nghệ phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Bắc” bằng nguồn kinh phí ngân sách Nhà nước thì khoản thu nhập của cá nhân tham gia thực hiện các đề tài trên thuộc diện thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công theo quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 2 Thông tư số 111/2013/TT-BTC nêu trên.

Công văn số 3047/TCT – KK ngày 08 tháng 8 năm 2018 về việc hoàn thuế giá trị gia tăng.

Trả lời công văn số 243/CT-TTHT ngày 05/4/2018 của Cục Thuế tỉnh Kon Tum, công văn số 98/TCT-TCKT ngày 03/05/2018 của Tổng công ty Sông Đà về việc hoàn thuế giá trị gia tăng công trình thủy điện Xekaman 1 tại Lào. Về việc này, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

Khoản 1, Khoản 2 Điều 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính.

Khoản 3 Điều 17 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính.

Căn cứ các hướng dẫn nêu trên, trường hợp Tổng công ty Sông Đà thành lập Ban Quản lý điều hành dự án thủy điện Xekaman 1 để thực hiện hợp đồng Tổng thầu EPC dự án thủy

điện Xekaman 1 số 02/TTHĐ-XKM1-SONGDA ngày 28/02/2011 giữa Công ty TNHH Điện Xekaman 1 và Tổng công ty Sông Đà. Hàng hóa, vật tư do Ban quản lý điều hành dự án xuất sang Lào phục vụ xây dựng nhà máy thủy điện Xekaman 1 được áp dụng thuế suất 0% nếu đáp ứng các quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính.

Thuế giá trị gia tăng hàng hóa, dịch vụ mua vào trong nước để xuất khẩu sang Lào phục vụ dự án thủy điện Xekaman 1, Ban quản lý điều hành dự án được kê khai, khấu trừ, hoàn thuế nếu đáp ứng các quy định tại khoản 3 Điều 17 Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 và Khoản 4 Điều 18 Thông tư 219/2013/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015, Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/08/2016 và Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16/03/2018 của Bộ Tài chính.

Công văn số 3065/TCT-KK ngày 9 tháng 8 năm 2018 về việc cấp MST để kê khai, nộp thuế nhà thầu theo phương pháp hỗn hợp.

Tổng cục Thuế nhận được công văn số 4492/CT-TTHT ngày 24/5/2018 của Cục Thuế TP. Hồ Chí Minh về việc đăng ký mã số thuế của Công ty Tag-It Pacific Ltd có trụ sở tại Hồng Kông. Về vấn đề này, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

Căn cứ các quy định hiện tại, trường hợp Công ty Tag-It Pacific Ltd là thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam muốn tham gia hoạt động kinh doanh dưới hình thức nhà thầu nước ngoài không thành lập pháp nhân tại Việt Nam và ký kết thông qua các hợp đồng thương mại với khách hàng Việt Nam thì Công ty Tag-It Pacific Ltd phải được cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu theo quy định tại Nghị định số 90/2007/NĐ-CP ngày 31/5/2007 của Chính phủ quy định về quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam. Sau khi Công ty Tag-It Pacific Ltd được cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu do cơ quan có thẩm quyền cấp, Cục Thuế TP. Hồ Chí Minh hướng dẫn Công ty Tag-It Pacific Ltd thực hiện đăng ký thuế theo quy định tại Khoản 3 Điều 7 Thông tư 95/2016/TT-BTC.

Việc thực hiện kê khai, nộp thuế nhà thầu theo phương pháp hỗn hợp của Công ty Tag-It Pacific Ltd sau khi đăng ký thuế được thực hiện theo hướng dẫn tại công văn số 4431/TCT-KK ngày 23/9/2016 của Tổng cục Thuế về việc kê khai thuế nhà thầu.

Công văn số 56281/CT-TTHT ngày 13 tháng 8 năm 2018 của Cục thuế Hà Nội về việc chi phí taxi công ty cho các chuyên gia nước ngoài do công ty mẹ phái cử sang

Trả lời công văn số 03/2018-DTSVN ngày 20/6/2018 của Công ty TNHH phần mềm DTS Việt Nam (sau đây gọi là Công ty) hỏi về chính sách thuế, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

Căn cứ Khoản 4 Điều 11 Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế, Sửa đổi, bổ sung tiết đ.5 điểm đ khoản 2 Điều 2 Thông tư 111/2013/TT-BTC.

Căn cứ các hướng dẫn nêu trên, trường hợp Công ty chi trả khoản chi phí đi lại từ nhà đến nơi làm việc và ngược lại vào các ngày làm việc cho người lao động (các chuyên gia nước ngoài ký hợp đồng lao động với Công ty) theo quy chế của Công ty thì khoản chi về phương tiện này không tính vào thu nhập chịu thuế TNCN của người lao động.

Công văn số 57072/CT-TTHT ngày 15 tháng 8 năm 2018 về việc thuê nhà thầu cước phí vận tải

Trả lời công văn số 01/MTL/2018 ngày 21/6/2018 của Công ty TNHH MTL Việt Nam (sau đây gọi là Công ty) hỏi về chính sách thuế nhà thầu cước vận tải, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:



Căn cứ Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng.

Căn cứ Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/08/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam.

Căn cứ quy định trên, trường hợp Công ty thuê Nhà thầu nước ngoài vận chuyển hàng hóa bằng đường sắt từ ga Đông Anh đến cửa khẩu Hữu Nghị và đến Ba Lan (với tổng chi phí toàn chặng là 292.350,37 USD) thì hoạt động vận chuyển hàng hóa bằng đường sắt nêu trên của Nhà thầu nước ngoài phải nộp thuế nhà thầu toàn chặng tại Việt Nam. Trường hợp nhà thầu nước ngoài không đáp ứng điều kiện khai thuế tại Việt Nam thì Công ty có trách nhiệm khấu trừ và kê khai, nộp thuế nhà thầu thay cho Nhà thầu nước ngoài theo hướng dẫn tại Điều 12, Điều 13 Thông tư số 103/TT-BTC ngày 06/08/2014 của Bộ Tài chính nêu trên. Cụ thể:

- Về thuế TNDN: Áp dụng tỷ lệ thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế 2%.
- Về thuế GTGT: Áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% nếu đáp ứng là vận tải quốc tế theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính. Nếu Công ty không đáp ứng điều kiện để áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% thì áp dụng tỷ lệ % thuế GTGT tính trên doanh thu tính thuế là 3%.

Công văn số 3154/TCT-CS ngày 15 tháng 8 năm 2018 về việc thuế GTGT

Tổng cục Thuế nhận được công văn số 591/CT-KK ngày 08/3/2018 của Cục Thuế tỉnh Thái Nguyên về việc hoàn thuế giá trị gia tăng đối với dự án đầu tư. Về vấn đề này, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

Căn cứ các quy định của pháp luật, Cơ sở kinh doanh có dự án đầu tư xây dựng nhà để bán hoặc cho thuê mà không hình thành tài sản cố định của doanh nghiệp được kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào nhưng không được hoàn thuế GTGT của dự án đầu tư. Việc xác định tài sản cố định và tài sản không phải là tài sản cố định theo hướng dẫn tại Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 của Bộ Tài chính.

Cục Thuế tỉnh Thái Nguyên căn cứ tình hình thực tế tại doanh nghiệp để xử lý việc hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư của doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật và theo hướng dẫn tại Khoản 3 Điều 1 Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 của Bộ Tài chính.

Công văn số 57077/CT-TTHT ngày 15 tháng 8 năm 2108 của Cục thuế TP Hà Nội về việc giải đáp chính sách thuế

Cục Thuế TP Hà Nội nhận được công văn ngày 24/04/2018 của Công ty TNHH Thang máy Thyssenkrupp Việt Nam (sau đây gọi tắt là Công ty) hỏi về chính sách thuế, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

Căn cứ Thông tư số 124/2004/TT-BTC ngày 23/12/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy định về việc chuyển lợi nhuận ra nước ngoài của các tổ chức kinh tế hoặc cá nhân nước ngoài, có lợi nhuận từ các hình thức đầu tư quy định tại Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Căn cứ Thông tư số 186/2010/TT-BTC ngày 18/11/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện việc chuyển lợi nhuận ra nước ngoài của các tổ chức, cá nhân nước ngoài có lợi nhuận từ việc đầu tư trực tiếp tại Việt Nam theo quy định của Luật Đầu tư:

Căn cứ các quy định trên, trường hợp Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước Việt Nam, đã nộp báo cáo tài chính đã được kiểm toán và tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm tài chính cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp, hiện nay Công ty thực hiện chuyển lợi nhuận tích lũy từ năm 2005 đến năm 2015 ra nước ngoài thì:

Về thông báo việc chuyển lợi nhuận ra nước ngoài: Công ty sử dụng mẫu “Thông báo về việc chuyển lợi nhuận ra nước ngoài” ban hành theo Thông tư số 186/2010/TT-BTC gửi cơ quan thuế quản lý trực tiếp theo quy định. Công ty làm 01 thông báo việc chuyển lợi nhuận ra nước ngoài cho giai đoạn từ năm 2005 đến năm 2015 và trên thông báo Công ty trình bày cụ thể số tiền chuyển lợi nhuận của từng năm.

Về việc chuyển lợi nhuận ra nước ngoài: Công ty tự quyết định số lợi nhuận chuyển ra nước ngoài nhưng phải đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 186/2010/TT-BTC.

Về thời gian chuyển lợi nhuận ra nước ngoài: Công ty thực hiện chuyển lợi nhuận ra nước ngoài sau 07 ngày làm việc tính từ ngày gửi thông báo cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 186/2010/TT-BTC.

KIẾN THỨC PHÁP LUẬT

Hướng dẫn kê khai hóa đơn bỏ sót trên Tờ khai thuế GTGT

Đôi khi doanh nghiệp bỏ sót một số hóa đơn đầu vào, đầu ra chưa kê khai. Khi phát hiện ra, doanh nghiệp sẽ kê khai như thế nào, bài viết dưới đây sẽ hướng dẫn để doanh nghiệp kê khai theo đúng quy định của pháp luật.



Theo quy định tại Khoản 6 Điều 1 Luật số 31/2013/QH13 ngày 19/6/2013 của Quốc hội: Thuế giá trị gia tăng đầu vào phát sinh trong tháng nào được kê khai, khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp của tháng đó. Trường hợp cơ sở kinh doanh phát hiện số thuế giá trị gia tăng đầu vào khi kê khai, khấu trừ bị sai sót thì được kê khai, khấu trừ bổ sung trước khi cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế.

Theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính: Thời điểm xác định thuế GTGT đối với bán hàng hóa là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa cho người mua, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền; Đối với cung ứng dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ hoặc thời điểm lập hóa đơn cung ứng dịch vụ, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

Ngày 23/11/2015, Tổng cục Thuế đã có công văn số 4943/TCT-KK hướng dẫn người nộp thuế phát hiện hóa đơn, chứng từ của các kỳ trước bị bỏ sót chưa kê khai thì thực hiện kê khai, khấu trừ bổ sung, cụ thể như sau:

Đối với người bán: hóa đơn đầu ra xuất bán phát sinh kỳ nào thì thực hiện khai bổ sung, điều chỉnh kỳ tính thuế phát sinh hóa đơn đó theo quy định.

Ví dụ 1: Tháng 08/2018 người nộp thuế (thuộc đối tượng khai thuế GTGT theo tháng), phát hiện hóa đơn GTGT đầu ra phát sinh tháng 05/2018 chưa kê khai thì người nộp thuế nộp hồ sơ khai bổ sung, điều chỉnh hồ sơ khai thuế GTGT của kỳ tính thuế tháng 05/2018 theo quy định.

Đối với người mua: thời điểm phát hiện hóa đơn bỏ sót kỳ nào thì kê khai, khấu trừ bổ sung tại kỳ tính thuế phát hiện hóa đơn bỏ sót nhưng phải trước khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định, kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế.



Ví dụ 2: Tháng 08/2018 người nộp thuế (thuộc đối tượng khai thuế GTGT theo tháng) phát hiện hóa đơn mua vào phát sinh tháng 2/2018 chưa kê khai thì NNT kê khai vào “Mục I - Hàng hóa, dịch vụ mua vào trong kỳ” trên tờ khai 01/GTGT của kỳ tính thuế tháng 07/2018 (nếu còn trong thời hạn khai thuế) hoặc tháng 08/2018 nhưng phải trước khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế.

Doanh nghiệp cần lưu ý các nội dung hướng dẫn nêu trên để kê khai theo đúng quy định của pháp luật.

Tặng quà cho khách hàng có phải lập hóa đơn kê khai tính nộp thuế GTGT và được tính vào chi phí được trừ hay không?

Hàng năm khoản chi phí hàng hóa, dịch vụ để cho, biếu, tặng khách hàng, đối tác... chiếm một tỷ lệ không hề nhỏ trong doanh nghiệp. Khi tặng quà cho khách hàng, các doanh nghiệp có phải lập hóa đơn, kê khai tính nộp thuế GTGT và chi phí tặng quà này có được đưa vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN không, bài viết dưới đây sẽ hướng dẫn để doanh nghiệp thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

1. Khi xuất hàng cho, biếu, tặng khách hàng có phải lập hóa đơn?

Người bán phải lập hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ, bao gồm cả các trường hợp hàng hoá, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; hàng hoá, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động (trừ hàng hoá luân chuyển nội bộ, tiêu dùng nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất)

(được quy định tại Khoản 7 Điều 3 Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015)

Sử dụng hoá đơn, chứng từ đối với hàng hoá, dịch vụ khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu, cho, biếu, tặng đối với tổ chức kê khai, nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ: Đối với hàng hoá, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động thì phải lập hoá đơn GTGT (hoặc hoá đơn bán hàng), trên hoá đơn ghi đầy đủ các chỉ tiêu và tính thuế GTGT như hoá đơn xuất bán hàng hoá, dịch vụ cho khách hàng.”

(được quy định tại Khoản 9 Điều 3 Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015)

Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại theo quy định của pháp luật về thương mại, giá tính thuế được xác định bằng không (0); trường hợp hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại nhưng không thực hiện theo quy định của pháp luật về thương mại thì phải kê khai, tính nộp thuế như hàng hóa, dịch vụ dùng để tiêu dùng nội bộ, biếu, tặng, cho. Một số hình thức khuyến mại cụ thể được thực hiện như sau:

...

Đối với các hình thức khuyến mại bán hàng, cung ứng dịch vụ có kèm theo phiếu mua hàng, phiếu sử dụng dịch vụ thì không phải kê khai, tính thuế GTGT đối với phiếu mua hàng, phiếu sử dụng dịch vụ tặng kèm.”

(được quy định tại Tiết c Khoản 5 Điều 7 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013)

Như vậy khi doanh nghiệp dùng hàng hóa (như ẩm chén, áo phông...) để tặng khách hàng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh thì phải lập hóa đơn GTGT, kê khai, tính nộp thuế GTGT như hóa đơn xuất bán hàng cho khách hàng.

Khi doanh nghiệp dùng Phiếu quà tặng để tặng cho khách hàng, sau đó khách hàng đến các đại lý bán hàng của doanh nghiệp để đổi lấy hàng hóa thì khi tặng quà bằng Phiếu quà tặng chưa phát sinh hoạt động bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ do đó doanh nghiệp không phải lập hóa đơn, căn cứ vào mục đích chi tiền doanh nghiệp lập chứng từ chi theo quy định.

Trường hợp doanh nghiệp có phát sinh việc tặng quà khách hàng để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, khách hàng không có nhu cầu lấy hóa đơn thì cuối mỗi ngày công ty lập chung một hóa đơn GTGT ghi số tiền thể hiện trên dòng tổng cộng của bảng kê, ký tên và giữ liên giao cho người mua, các liên khác luân chuyển theo quy định (không phân biệt giá trị quà tặng trên 200.000đ hay dưới 200.000đ).

2. Chi phí chi phí tặng quà cho khách hàng có được đưa vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN?

Khoản chi được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN bao gồm:

Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp;

Khoản chi có đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật

Khoản chi nếu có hoá đơn mua hàng hoá, dịch vụ từng lần có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên (giá đã bao gồm thuế GTGT) khi thanh toán phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt...

(được quy định tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính)

Như vậy chi phí quà tặng cho khách hàng nhằm mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và phù hợp với quy định của pháp luật thương mại thì Công ty được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN đối với các khoản chi có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định trên.

VĂN BẢN QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC

Thông tư số 59/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 7 năm 2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2015 của bộ trưởng bộ tài chính về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

Thông tư 219/2015/TT-BTC về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp được sửa đổi tại Thông tư 59/2018/TT-BTC ngày 16/07/2018 của Bộ Tài Chính.

“Thông tư này hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp (sau đây gọi là Nghị định số 91/2015/NĐ-CP) và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP (sau đây gọi là Nghị định số 32/2018/NĐ-CP).”

Thông tư này đã bổ sung thêm quy định về ghi giảm vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp.

Theo đó, doanh nghiệp nhà nước đang hoạt động được giảm vốn nhà nước tại doanh nghiệp trong các trường hợp sau:

Do thực tế hoạt động doanh nghiệp, cần thiết phải giảm quy mô hoạt động, cơ quan đại diện chủ sở hữu xác định vốn điều lệ giảm và báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định xử lý giá trị vốn điều lệ giảm;

Trường hợp cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo hình thức tách doanh nghiệp;

Khi bổ sung nguồn vốn điều lệ không đủ để bổ sung theo mức vốn điều chỉnh lại đã được phê duyệt, cơ quan có thẩm quyền quyết định điều chỉnh lại mức vốn điều lệ theo giá trị vốn thực góp cho doanh nghiệp;

Do thay đổi chính sách doanh nghiệp không còn thuộc đối tượng được nhà nước đầu tư vốn, cơ quan có thẩm quyền quyết định điều chỉnh giảm vốn điều lệ cho doanh nghiệp.

Các trường hợp này, doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện thủ tục thay đổi và công bố thông tin về vốn điều lệ trong giấy đăng ký kinh doanh theo quy định.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01/09/2018

Nghị định 119/2018/ND-CP ngày 12 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ Quy định về hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ

Nghị định này quy định về sử dụng hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quản lý thuế các cấp và các cơ quan, tổ chức có liên quan đến việc quản lý, sử dụng hóa đơn điện tử; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc quản lý, sử dụng hóa đơn điện tử.

Theo đó, Tổng cục Thuế sẽ cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế không thu tiền đối với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, hộ, cá nhân kinh doanh thuộc các trường hợp sau:



1. Tổng cục Thuế cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế không thu tiền đối với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, hộ, cá nhân kinh doanh thuộc các trường hợp sau:

a) Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ, cá nhân kinh doanh tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn;

b) Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo theo quy định pháp luật và hộ, cá nhân kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp (trừ doanh nghiệp quy định tại điểm a khoản này) trong thời gian 12 tháng kể từ khi thành lập doanh nghiệp;

c) Hộ, cá nhân kinh doanh. Riêng hộ, cá nhân kinh doanh có doanh thu năm trước liền kề từ 03 (ba) tỷ đồng trở lên trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, công nghiệp, xây dựng hoặc có doanh thu năm trước liền kề từ 10 (mười) tỷ đồng trở lên trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ theo quy định tại khoản 4 Điều 12 Nghị định này trong thời gian 12 tháng kể từ tháng áp dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo quy định tại Nghị định này;

d) Doanh nghiệp nhỏ và vừa khác theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và quy định của Bộ Tài chính trừ doanh nghiệp hoạt động tại các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu công nghệ cao;

đ) Các trường hợp khác cần thiết để khuyến khích sử dụng hóa đơn điện tử do Bộ Tài chính quyết định.

2. Tổng cục Thuế thực hiện hoặc ủy thác cho tổ chức cung cấp dịch vụ về hóa đơn điện tử thực hiện cung cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế miễn phí cho các đối tượng nêu tại khoản 1 Điều này.

3. Tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử khi cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử được thu tiền dịch vụ theo thỏa thuận tại Hợp đồng ký giữa tổ chức cung cấp dịch vụ và bên nhận dịch vụ là các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, hộ, cá nhân kinh doanh không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

Các trường hợp cần thiết khác do Bộ Tài chính quyết định.

Nghị định 119/2018/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 01/11/2018.

Đây là một trong nhiều Bản tin của CPA VIETNAM cập nhật những thông tin, cải cách mới về môi trường pháp lý, thuế và đầu tư của Việt Nam. Mọi thông tin, phân tích hay bình luận trong bản tin này nhằm giới thiệu chung, không thay thế cho bất kỳ lời tư vấn cho một tình huống cụ thể của khách hàng.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 8, Cao ốc Văn
phòng VG Building,
Số 235 Nguyễn Trãi,
Q. Thanh Xuân
TP. Hà Nội

Phone: 024 3783 2121
Fax: 024 3783 2122

CN. MIỀN NAM

Tầng 4, Tòa nhà
Hoang Anh Safomec,
7/1 Thanh Thai, P.14,
Q.10
TP. Hồ Chí Minh

Phone: 028 3832 9969
Fax: 028 3832 9959

CN. MIỀN BẮC

Số 97, Phố Trần Quốc
Toản, Phường Trần
Hưng Đạo,
Quận Hoàn Kiếm,
TP. Hà Nội

Phone: 024 73061268
Fax: 024 7306 1269

VP. ĐẠI DIỆN

Tầng 16, Tòa nhà
T01-C37 Bắc Hà,
Đường Tố Hữu,
Quận Nam Từ Liêm,
TP. Hà Nội

Phone: 024 6666 6368
Fax: 024 6666 6368

